



biān fú

蝙蝠

noun · bat (the animal, variant writing)

Example Sentences

shān dòng lǐ yǒu hěn duō biān fú

山洞里有很多蝙蝠。

There are many bats in the cave.

biān fú shì wéi yī huì fēi de bǔ rǔ dòng wù

蝙蝠是唯一会飞的哺乳动物。

The bat is the only flying mammal.

zhè ge yì tǐ zì biān fú bù cháng yòng

这个异体字蝙蝠不常用。

This variant character for bat is not commonly used.

Trace each character, then write the word on your own.

蝙	蝙	蝙	蝙	蝙	蝙	蝙	蝙	蝙	蝙	蝙
蝠	蝠	蝠	蝠	蝠	蝠	蝠				

幅	幅	幅	幅	幅	幅	幅	幅	幅	幅	幅
幅	幅	幅	幅							